

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 41/2013/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 30 tháng 9 năm 2013

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về quản lý và sử dụng  
kinh phí sự nghiệp môi trường tỉnh Lào Cai**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 10/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 70/2008/TTLT-BTC-BTNMT ngày 24/7/2008 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn kinh phí hoạt động của tổ chức, bộ phận chuyên môn, cán bộ phụ trách về bảo vệ môi trường và kinh phí thực hiện hợp đồng lao động theo Nghị định số 81/2007/NĐ-CP ngày 23/5/2007 của Chính phủ quy định tổ chức, bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường tại cơ quan và doanh nghiệp Nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30/3/2010 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường;

Căn cứ Văn bản số 181/HĐND-TT ngày 28/8/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về việc thoả thuận Tờ trình của UBND tỉnh Lào Cai;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 194/TTr-STNMT ngày 05/12/2012 về việc ban hành Quy định về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường tỉnh Lào Cai,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường tỉnh Lào Cai.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Sở Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, TP; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

(đã ký)

**Doãn Văn Hưởng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

### **Về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường tỉnh Lào Cai**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 41/2013/QĐ-UBND  
ngày 30/9/2013 của UBND tỉnh)*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng**

1. Quy định này quy định về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường do ngân sách tỉnh phân bổ cho các cấp ngân sách trên địa bàn.
2. Quy định này áp dụng cho mọi tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường của tỉnh.
3. Các nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước về bảo vệ môi trường sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học, vốn đầu tư xây dựng cơ bản và các nguồn vốn khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.
4. Đối với các nội dung chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường không đưa ra tại Quy định này thì thực hiện theo các văn bản hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

#### **Điều 2. Nguyên tắc áp dụng**

1. Hàng năm, ngân sách tỉnh bố trí kinh phí chi cho sự nghiệp môi trường đảm bảo không thấp hơn số kinh phí sự nghiệp môi trường được Trung ương thông báo phân bổ cho tỉnh. Việc lập, phân bổ, chấp hành và quyết toán kinh phí các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường theo quy định của luật ngân sách.
2. Các dự án, đề án về bảo vệ môi trường phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt mới có đủ điều kiện để bố trí kinh phí và triển khai thực hiện.
3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân phải sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường đúng mục đích, đúng chế độ, chịu sự kiểm tra kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền và quyết toán kinh phí đã sử dụng, thực hiện chế độ công khai ngân sách theo quy định hiện hành.

**Chương II****PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG****Điều 3. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh**

1. Đảm bảo hoạt động của hệ thống quan trắc và phân tích chất lượng môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm mạng lưới trạm quan trắc và phân tích môi trường); thực hiện các chương trình quan trắc hiện trạng môi trường, các tác động đối với môi trường trên địa bàn tỉnh.

2. Xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường 5 năm, báo cáo chuyên đề môi trường hàng năm; báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; báo cáo đánh giá tác động môi trường; báo cáo môi trường đột xuất; điều tra, khảo sát, dự báo diễn biến môi trường; điều tra, thống kê, đánh giá chất thải, tình hình ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh và các nội dung khác liên quan; thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền của tỉnh.

3. Xây dựng và ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật, quy trình kỹ thuật về bảo vệ môi trường ở địa phương; xây dựng chương trình, quy hoạch, kế hoạch, chiến lược về bảo vệ môi trường của tỉnh.

4. Hoạt động nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; hoạt động kiểm tra, xác nhận việc chủ dự án đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường, dự án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt.

5. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường.

6. Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường tỉnh (bao gồm thu thập, xử lý và trao đổi thông tin); hệ thống thông tin cảnh báo môi trường cộng đồng.

7. Chi giải thưởng, khen thưởng về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân có thành tích đóng góp trong nhiệm vụ bảo vệ môi trường được cấp thẩm quyền quyết định.

8. Thực hiện phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường địa phương; bao gồm hỗ trợ trang thiết bị và hoạt động về ứng cứu các sự cố môi trường; hỗ trợ xử lý sau sự cố môi trường.

9. Quản lý bảo tồn đa dạng sinh học; bảo tồn và phát triển bền vững hệ sinh thái tự nhiên; các loài sinh vật; tài nguyên di truyền trên địa bàn tỉnh.

10. Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được cấp thẩm quyền quyết định thành lập.

11. Hỗ trợ các cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm các nội dung: Xây dựng dự án, điều tra khảo sát, đánh giá tình hình ô nhiễm, thực hiện xử lý ô nhiễm môi trường, mua bản quyền công nghệ xử lý chất thải (nếu có), kiểm tra, nghiệm thu dự án:

a) Thực hiện Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29/4/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách nhà nước nhằm xử lý triệt để, khắc phục ô nhiễm và giảm thiểu suy thoái môi trường cho một số đối tượng thuộc khu vực công ích; Quyết định số 38/2011/QĐ-TTg ngày 05/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29/4/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ có mục tiêu kinh phí từ ngân sách nhà nước nhằm xử lý triệt để, khắc phục ô nhiễm và giảm thiểu suy thoái môi trường cho một số đối tượng thuộc khu vực công ích;

b) Dự án thu gom, vận chuyển, xử lý giảm thiểu, tái chế, chôn lấp chất thải; vận hành hoạt động bãi chôn lấp chất thải hợp vệ sinh tại các huyện, thành phố;

c) Dự án xử lý chất thải cho một số bệnh viện, cơ sở y tế, trường học, cơ sở giam giữ của Nhà nước do cấp tỉnh quản lý không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp;

d) Các dự án, đề án về bảo vệ môi trường bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

12. Các hoạt động khác liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

#### **Điều 4. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện, thành phố (gọi chung là cấp huyện)**

1. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường trên địa bàn.

2. Hỗ trợ các tổ chức đoàn thể xây dựng các mô hình BVMT ở cộng đồng, khu dân cư.

3. Hỗ trợ trang bị thiết bị, phương tiện thu gom rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường ở khu dân cư, nơi công cộng trên địa bàn.

4. Hoạt động nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thuộc thẩm quyền.

5. Xây dựng chương trình, quy hoạch, kế hoạch về bảo vệ môi trường cấp huyện; hoạt động quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học.

6. Hoạt động thẩm định và kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện đăng ký hoặc phê duyệt.

7. Hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện. Căn cứ nhu cầu công việc bảo vệ môi trường trên địa bàn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện duyệt số lượng lao động hợp đồng và ký hợp đồng lao động hoặc có thể uỷ quyền cho Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường ký hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn.

8. Các hoạt động khác có liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định.

#### **Điều 5. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã)**

1. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường trên địa bàn.

2. Hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm việc thực hiện pháp luật bảo vệ môi trường các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp xã.

3. Quản lý các công trình vệ sinh công cộng; hỗ trợ các hoạt động giảm thiểu, thu gom vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường khu dân cư, nơi công cộng trên địa bàn quản lý.

4. Hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp xã. Căn cứ vào nhu cầu, đặc điểm công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn, trường hợp cần thiết Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thể ký hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn.

5. Hoạt động của đơn vị dịch vụ về môi trường; khắc phục, xử lý ô nhiễm sau sự cố môi trường. Xây dựng mô hình về BVMT tại khu dân cư.

6. Các hoạt động khác có liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp huyện giao.

### **Chương III**

#### **MỨC CHI KINH PHÍ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

##### **Điều 6. Mức chi kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường**

1. Mức chi thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo định mức, chế độ chi tiêu quy định tại Điều 3 Thông tư liên tịch số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định hiện hành khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Ngoài ra Quy định này quy định cụ thể thêm định mức chi các nhiệm vụ bảo vệ môi trường:

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)
1	Xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường 5 năm		500.000
2	Xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường hàng năm		100.000
3	Kiểm tra hiện trạng môi trường trước khi họp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.		2.000
	Trả thù lao Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường và các chi phí phát sinh khác		3.000
4	Kiểm tra xác nhận công trình xử lý về môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường, dự án cải tạo phục hồi môi trường đã được phê duyệt		5.000
5	Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được cấp thẩm quyền quyết định thành lập		30% lương kiêm nhiệm

## 2. Các mức chi khác thực hiện như sau:

- Chi công tác phí, hội nghị phí, tập huấn theo quy định tại Quyết định số 12/2011/QĐ-UBND ngày 30/03/2011 của UBND tỉnh Lào Cai về việc ban hành quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Chi xây dựng cơ sở dữ liệu, phân tích mẫu môi trường, hỗ trợ xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích... theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Mức chi hỗ trợ cho các dự án, đề án, nhiệm vụ quy định tại Khoản 11 Điều 3; Khoản 2, Khoản 3 Điều 4 và Khoản 3 Điều 5 của Quy định này, căn cứ vào điều kiện cụ thể, quy mô, tính chất quan trọng của từng dự án, đề án, nhiệm vụ và khả năng ngân sách các cấp để cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định mức hỗ trợ.

4. Mức chi hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường ở cấp huyện bằng hai (02) lần, ở cấp xã bằng một (01) lần mức lương tối thiểu chung do Nhà nước quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2008/TTLT-BTC-BTNMT ngày 24 tháng 7 năm 2008 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn kinh phí hoạt động của tổ chức, bộ phận chuyên môn, cán bộ phụ trách về bảo vệ môi trường và kinh phí thực hiện hợp đồng lao động theo Nghị định số 81/2007/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định tổ chức, bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường tại cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nhà nước.

**Chương IV**  
**CHẾ ĐỘ LẬP, CHẤP HÀNH VÀ QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH**  
**KINH PHÍ SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG**

**Điều 7. Lập, chấp hành và phân bổ dự toán**

Việc lập, phân bổ, chấp hành và quyết toán kinh phí sự nghiệp môi trường thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật. Quy định này quy định thêm một số nội dung như sau:

1. Về lập dự toán:

a) Căn cứ hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về chuyên môn, nhiệm vụ trọng tâm hoạt động bảo vệ môi trường của tỉnh.

b) Hàng năm, các cơ quan, đoàn thể cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào nhiệm vụ chi ngân sách về sự nghiệp môi trường của cấp mình, lập kế hoạch nhiệm vụ và dự toán kinh phí sự nghiệp môi trường năm sau theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Tài chính.

2. Về phân bổ và giao dự toán:

a) Đối với kinh phí sự nghiệp môi trường cấp tỉnh:

Căn cứ quyết định giao dự toán thu chi ngân sách nhà nước hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp môi trường cho các ngành và địa phương trong tỉnh.

Đối với các nhiệm vụ, đề án, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các đơn vị được phân bổ kinh phí thực hiện đúng nội dung dự toán đã được phê duyệt.

Đối với các nhiệm vụ chi sự nghiệp môi trường khác, các đơn vị được giao kinh phí lập đề cương nhiệm vụ, dự toán chi tiết theo kế hoạch được duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Đối với kinh phí sự nghiệp môi trường cấp huyện:

Căn cứ vào quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với phòng Tài chính Kế hoạch lập phương án báo cáo Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định phân bổ, giao dự toán theo nhiệm vụ để các đơn vị tổ chức thực hiện.



Các đơn vị được phân bổ, giao kinh phí sự nghiệp môi trường thực hiện đúng nội dung dự toán đã được phân bổ.

Đối với kinh phí sự nghiệp môi trường cấp xã cấp qua ngân sách huyện: Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với phòng Tài chính Kế hoạch tham mưu Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định giao dự toán chi sự nghiệp môi trường cùng dự toán thu, chi ngân sách cấp xã theo định mức được cấp có thẩm quyền quyết định.

c) Đối với kinh phí sự nghiệp môi trường cấp xã:

Căn cứ quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

### **Điều 8. Về hạch toán kế toán**

Kinh phí sự nghiệp môi trường theo quy định tại Quy định này được phản ánh và quyết toán vào Loại 280 “Hoạt động bảo vệ môi trường” với các Khoản tương ứng, theo Chương tương ứng của các sổ, ban, ngành, địa phương và chi tiết theo Mục lục ngân sách nhà nước.

## **Chương V**

### **THANH TRA, KIỂM TRA**

**Điều 9. Thanh tra, kiểm tra việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường**

1. Các sở, ban, ngành chủ quản có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất các đơn vị trực thuộc về tình hình thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; quản lý và sử dụng, thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp môi trường nhằm đảm bảo sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo các phòng, đơn vị chức năng thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất các đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp xã về tình hình thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; quản lý và sử dụng, thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp môi trường nhằm đảm bảo sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả.

## **Chương VI**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 10. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường**

1. Là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp các đề án, dự án, nhiệm vụ bảo vệ môi trường sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường của tỉnh; hướng dẫn về chuyên môn, nhiệm vụ trọng tâm hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

2. Hàng năm, tổng hợp nhiệm vụ và dự toán kinh phí chi sự nghiệp môi trường của ngân sách tỉnh gửi Sở Tài chính, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

3. Xây dựng nhiệm vụ và dự toán kinh phí ngân sách chi sự nghiệp môi trường đối với các nhiệm vụ quy định tại Điều 3 của Quy định này gửi Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

4. Phối hợp với Sở Tài chính lập phương án phân bổ kinh phí sự nghiệp môi trường cấp tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

5. Phối hợp với Sở Tài chính tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh về chế độ quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp môi trường nhằm đảm bảo sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả.

#### **Điều 11. Trách nhiệm của Sở Tài chính**

1. Thẩm định kinh phí thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường từ nguồn sự nghiệp môi trường dựa trên báo cáo tổng hợp hàng năm của Sở Tài nguyên và Môi trường để báo cáo Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

2. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường bố trí kinh phí chi sự nghiệp môi trường cho các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định; hướng dẫn các đơn vị thụ hưởng kinh phí sự nghiệp môi trường thực hiện quản lý, sử dụng, thanh quyết toán nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường theo quy định.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thanh tra, kiểm tra các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh về chế độ quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp môi trường nhằm đảm bảo sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả.

**Điều 12. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh**

Đầu quý III hàng năm, căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao của các đơn vị và Điều 3 của Quy định này, các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội có nhu cầu sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường lập kế hoạch nhiệm vụ và dự toán kinh phí sự nghiệp môi trường năm sau đối với các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của đơn vị mình gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, thống nhất với Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ và thực hiện đúng nội dung nhiệm vụ và dự toán kinh phí đã được phân bổ.

**Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã**

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Hàng năm, căn cứ nhiệm vụ được quy định tại Điều 4 của Quy định này và hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường, lập dự toán chi sự nghiệp môi trường năm sau gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, thống nhất với Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tổng mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường của ngân sách địa phương.

b) Bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ theo tổng mức chi sự nghiệp môi trường ngân sách địa phương được giao.

c) Tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất và xử lý vi phạm đối với các đơn vị trực thuộc trong việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường theo phân cấp.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Hàng năm, căn cứ nhiệm vụ được quy định tại Điều 5 của Quy định này và hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường, lập dự toán chi sự nghiệp môi trường năm sau gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, thống nhất với Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

b) Bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ theo tổng mức chi sự nghiệp môi trường ngân sách địa phương được giao.

c) Tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất và xử lý vi phạm đối với tổ chức, cá nhân trong việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường theo phân cấp.

**Điều 14. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường**

1. Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường phải thực hiện các quy định của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư liên tịch số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT và nội dung Quy định này.

2. Hàng năm, sau khi quyết toán kinh phí với cơ quan tài chính; các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường cấp huyện có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường về Phòng Tài nguyên Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện; vào đầu quý II hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường năm trước về Sở Tài nguyên và Môi trường; các cơ quan, đơn vị sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường cấp tỉnh có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, theo dõi, giám sát.

#### **Điều 15. Điều khoản thi hành**

Trong quá trình thực hiện, tùy theo điều kiện thực tế hoặc có văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh về lĩnh vực này, Quy định này sẽ được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Doãn Văn Hưởng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 42/2013/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 10 tháng 10 năm 2013

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành quy định về công tác văn thư, lưu trữ trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Lưu trữ ngày 11/11/2011;

Căn cứ Nghị định số 58/2001/NĐ-CP ngày 24/8/2001 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu;

Căn cứ Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ về công tác văn thư;

Căn cứ Nghị định số 31/2009/NĐ-CP ngày 01/4/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 58/2001/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 09/2010/NĐ-CP ngày 08/02/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ về công tác văn thư;

Căn cứ Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2005/TTLT-BNN-VPCP ngày 06/5/2005 của Bộ Nội vụ, Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản;

Căn cứ Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính;

Căn cứ Thông tư số 13/2011/TT-BNV ngày 24/10/2011 của Bộ Nội vụ về quy định thời hạn bảo quản tài liệu hình thành trong hoạt động của UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 14/2011/TT-BNV ngày 08/11/2011 của Bộ Nội vụ quy định quản lý hồ sơ, tài liệu hình thành trong hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 07/2012/TT-BNV ngày 22/11/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn quản lý văn bản, lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ cơ quan;

Căn cứ Thông tư số 04/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xây dựng quy chế công tác văn thư, lưu trữ của các cơ quan, tổ chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Lào Cai tại Tờ trình số: 366/TTr-SNV ngày 24 tháng 9 năm 2013,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này bản “Quy định về công tác văn thư, lưu trữ trên địa bàn tỉnh Lào Cai”.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 29/2011/QĐ-UBND ngày 14/10/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định về công tác văn thư, lưu trữ trên địa bàn tỉnh Lào Cai./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Văn Vịnh**